TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HNGĐ - ST
Ngày 05/7/2023
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Thúy Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà: Âu Thị Kiều Sương
2. Ông: Trần Văn Phước

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Sơn.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà Trần Hiền Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 263/2023/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, về việc: "***Xin ly hôn***" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/6/2023 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Lê Thị Thanh N**, sinh năm 1987.
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.
+ Bị đơn: **Lê Công H**, sinh năm 1961.
Địa chỉ: phường N, quận V, thành phố Cần Thơ.
Tạm trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.
Chị N, anh H có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn là chị Lê Thị Thanh N vắng mặt tại tòa nhưng có lời trình bày tại đơn khởi kiện ngày 14/4/2023 và tại bản lấy lời khai ngày 21/6/2023 như sau:*

Chị N và anh Lê Công H kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi và xúc phạm nhau. Chị nhiều lần động viên khuyên giải, cố gắng để vợ chồng hoà hợp nhằm duy trì mối quan hệ vợ chồng nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên đã ly thân và không sống chung từ tháng 02/2023 cho đến nay. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên xin ly hôn với anh H. Việc cấp dưỡng vợ chồng chị không có yêu cầu.

Trong thời gian chung sống chị và anh H có 01 con chung tên Lê Quỳnh N, sinh ngày 11/12/2015 hiện đang sống với chị. Sau ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là anh Lê Công H vắng mặt tại tòa nhưng có lời trình bày tại biên bản làm việc ngày 14/6/2023 như sau:*

Anh và chị Lê Thị Thanh N sống chung trên 10 năm, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau cưới anh và chị N sống ở thành phố Cần Thơ làm ăn và lo cho con. Khoảng vài năm trở lại đây chị N và con về quê cha mẹ ở Bến Tre sống. Sau đó, anh về sống chung với chị N. Cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc thời gian đầu, thời gian sau thường gây gỗ do chị N không cho anh sống chung nhà. Anh không thể sống chung với chị N nên ra ngoài thuê nhà trọ sống vài tháng nay. Hiện anh đi lại không được như người bình thường nhưng vẫn tự lao động sinh sống được. Hằng ngày anh đi bán vé số bằng xe lăn. Nay, chị N xin ly hôn anh không đồng ý, vì anh không có lỗi. Mục đích chị N xin ly hôn là để quen với người khác anh không đồng ý. Anh cũng không mong muốn đoàn tụ với chị N vì tình cảm vợ chồng không còn.

Trong thời gian chung sống anh và chị N có 01 con chung tên Lê Quỳnh N, sinh ngày 11/12/2015 hiện đang sống với chị N. Sau ly hôn, anh đồng ý để chị N nuôi con, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh và chị N không có tài sản chung và nợ chung.

Anh không có cung cấp chứng cứ hay yêu cầu gì, do sức khoẻ không tiện đi lại nên yêu cầu Toà án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thanh N đối với anh Lê Công H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Lê Thị Thanh N và bị đơn anh Lê Công H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Chị Lê Thị Thanh N và anh Lê Công H tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được nên anh chị đã không còn sống chung nhà. Chị N và anh H đều thừa nhận nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể hoà hợp được nên đã ly thân. Nay, chị N cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh H, anh H cũng không muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không đồng ý ly hôn với chị N. Xét thấy, hôn nhân gia đình xuất phát từ tình yêu thương và sự tự nguyện giữa các bên không ai có quyền ngăn cản hay ép buộc.

Trong thời gian sống chung, do anh H và chị N không cùng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn, do anh H vắng mặt nên Toà án không thể tiến hành hoà giải cho anh, chị đoàn tụ được mà lập biên bản hoà giải đoàn tụ vắng mặt anh H để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Qua xác minh thu thập chứng cứ ở địa phương nơi anh chị sinh sống cho thấy, chị N và anh H đã xảy ra mâu thuẫn và có thời gian sống ly thân để tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết qủa. Anh H cho rằng, chị N xin ly hôn với anh nhằm mục đích tìm người khác và mâu thuẫn vợ chồng không phải do anh nhưng anh không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Trong khi chị N kiên quyết xin ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử, xét thấy, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh H. Xử cho chị N được ly hôn với anh H. Việc cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn do anh H và chị N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Trong thời gian chung sống, chị N và anh H có 01 con chung tên Lê Quỳnh N, sinh ngày 11/12/2015 hiện đang sống với chị N. Sau ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con và anh H cũng đồng ý. Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn không những là quyền mà còn là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Hiện cháu N đang sống với chị N được chị N quan tâm chăm sóc tốt, hơn nữa cháu N cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo cho đời sống của con sau này và để không làm xáo trộn cuộc sống của con nên ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Giao cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp và ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thanh N đối với anh Lê Công H.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Thanh N được ly hôn với anh Lê Công H. Ghi nhận việc chị N và anh H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Thanh N được tiếp tục trông nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên Lê Quỳnh N, sinh ngày 11/12/2015 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thanh N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Do chị N đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003719 ngày 27/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre nên được khấu trừ. Chị N đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo, các đương sự vắng mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú của các đương sự vắng mặt để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND T. Bến Tre;
-VKS H. Châu Thành;
-CCTHADS H. Châu Thành;
-Các đương sự;
-UBND xã, phường (nơi ĐKKH).
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng